

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 4 - 2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hoàng Liên.

2. Ông Lê Đình Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 112/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1988 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/ *Bị đơn:* Ông Trần Nguyễn Đức Đ - sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố 6, phường PH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Nguyễn Đức Đ tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau khoảng gần 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường PH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận ngày 11/12/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, trong đời sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, xúc phạm nhau. Sau đó bà và ông Đ tự sống ly thân; bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 01 con chung tên là Trần Nguyễn Bích N còn ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 01 con chung tên là Trần Nguyễn Xuân Ph. Vợ chồng ly thân đã 04 năm nay, không ai quan tâm đến ai, mặc ai nấy sống; chỉ thỉnh thoảng cho các con gặp gỡ để hai anh em tự hàn huyên, chia sẻ tình cảm với nhau. Trong thời gian vợ chồng ly thân thì bà và ông Đ không gặp gỡ, liên lạc để hàn gắn mâu thuẫn. Bà không còn tình cảm với ông Đ, vợ chồng không còn khả năng để hàn gắn mâu thuẫn, đoàn tụ nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Trần Nguyễn Đức Đ có 02 con chung là Trần Nguyễn Xuân Ph - sinh ngày 19/02/2007 và Trần Nguyễn Bích N - sinh ngày 07/12/2012. Khi ly hôn bà đồng ý giao 01 con chung là Trần Nguyễn Xuân Ph cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là Trần Nguyễn Bích N; bà và ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Trần Nguyễn Đức Đ không có tài sản chung và nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại “Đơn xin xét xử vắng mặt” ngày 04/4/2023, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và những ý kiến đã khai tại Tòa án.

Bị đơn là ông Trần Nguyễn Đức Đ trình bày tại “Bản tự khai” ngày 06/3/2023; trong quá trình tố tụng tại tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị L tự nguyện tìm hiểu một thời gian thì tiến tới hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận ngày 11/12/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp được các vấn đề trong đời sống chung dẫn đến cãi vã. Sau đó ông và bà L tự sống ly thân; ông trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 01 con chung tên là Trần Nguyễn Xuân Ph còn bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 01 con chung tên là Trần Nguyễn Bích N. Vợ chồng ly thân đã 04 năm nay, không ai quan tâm đến ai, mặc ai nấy sống. Nay bà Nguyễn Thị L khởi kiện ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị L có 02 con chung là Trần Nguyễn Xuân Ph - sinh ngày 19/02/2007 và Trần Nguyễn Bích N - sinh ngày 07/12/2012. Khi ly hôn ông đồng ý giao 01 con chung là Trần Nguyễn Bích N cho bà L trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là Trần Nguyễn Xuân Ph; ông và bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà Nguyễn Thị L không có tài sản chung và nợ chung nên không có yêu cầu gì.

Tại “Đơn xin vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại tòa án và xin xét xử vắng mặt” ngày 13/3/2023, bị đơn là ông Trần Nguyễn Đức Đ vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Tòa án và xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ L vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn từ khi thụ L vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự (*Viết tắt là BLTTDS*) và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn từ khi thụ L vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa đã được tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng, có lời trình bày và đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của BLTTDS, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trần Nguyễn Đức Đ.

Về con chung: Giao 01 con chung là Trần Nguyễn Bích N - sinh ngày 07/12/2012 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao 01 con chung là Trần Nguyễn Xuân Ph - sinh ngày 19/02/2007 cho ông Trần Nguyễn Đức Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Nguyễn Đức Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với ông Trần Nguyễn Đức Đ có nơi cư trú tại khu phố 6, phường PH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2]. *Về việc vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:* Tại “Đơn xin xét xử vắng mặt” ngày 04/4/2023, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ

nguyên các yêu cầu khởi kiện, những ý kiến đã khai tại Tòa án. Tại “Đơn xin vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại tòa án và xin xét xử vắng mặt” ngày 13/3/2023, bị đơn là ông Trần Nguyễn Đức Đ xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các ý kiến đã khai tại Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Nguyễn Đức Đ đều xác nhận tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2006; đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Đ là hợp pháp.

[2.2]. *Về tình trạng hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Nguyễn Đức Đ chung sống hạnh phúc từ năm 2006 đến năm 2015 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng; nguyên nhân xuất Ph từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được các vấn đề trong đời sống chung dẫn đến cãi vã rồi tự sống ly thân. Vợ chồng không sống chung 04 năm nay, không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, không có thiện chí hàn gắn để đoàn tụ. Bà L yêu cầu được ly hôn và ông Đ cũng đồng ý. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà L và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Do đó chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn ông Đ là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và pháp luật.

[2.3]. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Nguyễn Đức Đ có 02 con chung là Trần Nguyễn Xuân Ph - sinh ngày 19/02/2007 và Trần Nguyễn Bích N - sinh ngày 07/12/2012. Bà L và ông Đ đều có ý kiến: khi ly hôn giao 01 con chung là Trần Nguyễn Xuân Ph cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là Trần Nguyễn Bích N. Xét sự đồng ý về người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung của bà L và ông Đ là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ph tại “Bản tự khai” ngày 06/3/2023 là được sống với cha và nguyện vọng của cháu N tại “Biên bản lấy lời khai của đương sự” ngày 03/3/2023 là được sống với mẹ; phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Nguyễn Đức Đ đều không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Nguyễn Đức Đ đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Trần Nguyễn Đức Đ.

2. Về con chung: Giao cho ông Trần Nguyễn Đức Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là Trần Nguyễn Xuân Ph - sinh ngày 19/02/2007. Giao cho bà Nguyễn Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là Trần Nguyễn Bích N - sinh ngày 07/12/2012.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Nguyễn Đức Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005034 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng Đ hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- UBND phường PH (Số 128, quyển số 01/2006, ngày 11/12/2006);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hồng